

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		673.410.964.585	599.614.772.222
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(623.889.024.493)	(578.262.769.568)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(18.311.673.642)	(19.750.081.717)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(1.269.997.347)	(871.257.937)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(2.464.400.880)	(2.112.688.366)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		8.523.186.729	7.313.542.243
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(34.757.091.846)	(36.329.671.503)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.241.963.106	(30.398.154.626)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.971.352.503)	(1.830.774.336)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			415.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.227.509	29.174.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.957.124.994)	(1.386.599.559)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		280.287.104.436	244.385.510.092
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(275.474.924.467)	(218.205.315.419)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.747.359.125)	(1.811.391.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		64.820.844	24.368.802.976
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(650.341.044)	(7.415.951.209)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.553.785.781	13.969.105.413
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>(2.601.420)</i>	<i>631.577</i>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	5.900.843.317	6.553.785.781

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Lê Thị Kim Dung

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngô Thu Dung

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hà Quốc Cường